TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 998/2020/DSPT

Ngày: 22/10/2020

V/v "Tranh chấp thừa kế nhà, đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hằng

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Ông Lưu Trường Sanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 22/10/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/DSPT ngày 07 tháng 4 năm 2020 về việc "Tranh chấp thừa kế nhà, đất".

Do bản án dân sự phúc thẩm số 1131/2016/DSPT ngày 27/9/2016 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị huỷ một phần theo quyết định Giám đốc thẩm số 288/2019/DS-GĐT ngày 28/11/2019 để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5099/2020/QĐ-PT ngày 29/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1958, chết năm: 2016

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S gồm:

1.1. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1957;

1.2. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm:1980;

1.3. Ông Trần Thị Kim Q, sinh năm: 1983;

1.4. Ông Trần Minh T, sinh năm: 1985;

1.5. Ông Trần Minh P, sinh năm: 1987;

1.6. Ông Trần Minh M, sinh năm: 1990;

1.7. Ông Trần Minh K, sinh năm: 1992; Ông K là người bị mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 182/2020/QĐST-DS ngày 03/7/2020 của Toà án nhân dân huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh. Người giám hộ cho Ông K là bà Huỳnh Thị N.

1.8. Ông Trần Quang H, sinh năm: 1979.

Cùng địa chỉ: 19/5 ấp Tân Hòa, xã T , huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ông Lê Thanh A , sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 14/15A ấp Dân Thắng 2, xã N, huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy uỷ quyền số 02910 quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 07/9/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hữu Hùng)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị X (Trần Thị X), sinh năm 1952.

Địa chỉ: 14/2 khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1974; (có mặt)
- Bà Trần Mai Y, sinh năm: 1979. (có mặt)

(Hợp đồng uỷ quyền số 001610 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/5/2020 tại Văn phòng công chứng M)

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Mai Y, sinh năm 1952; (có mặt)

Địa chỉ: 14/2 khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Tp.Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Trần Mai I (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 14/2 khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Tp.Hồ Chí Minh.

3.3. Trẻ Trần Phạm Nguyễn T1, sinh năm 2009;

3.4 Trẻ Trần Phạm Nguyễn T2, sinh năm 2013;

Đại diện theo pháp luật cho trẻ T1, trẻ T2: Bà Trần Mai Y (có mặt)

Địa chỉ: 14/2 khu phố 8, Thị trấn H , H, Tp.Hồ Chí Minh.

3.5. Trẻ Trần Ngọc Bảo T3, sinh năm 2015;

Đại diện theo pháp luật cho trẻ T3: Bà Trần Mai I (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 14/2 khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Tp.Hồ Chí Minh.

3.6. Ông Nguyễn Văn V (vắng mặt)

Địa chỉ: 14/2 khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Tp.Hồ Chí Minh.

4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Huỳnh Thị N:* Luật sư Nguyễn Thị Mỹ L – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án:

Ông Trần Văn S và bà Trần Thị X là con của ông Trần Văn C (chết ngày 15/10/1996) và bà Phạm Thị M (chết ngày 26/8/1992). Ông C và bà M chết không để lại di chúc.

Tài sản do ông C, bà M chết để lại gồm có:

1. Căn nhà 19/5 ấp Tân Hòa, xã T , huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh tọa lạc phần đất vườn diện tích 9.753,9m^2 thuộc các thửa 141, 142 tờ bản đồ số 4 (TL 2004) xã T , huyện H (theo Bản vẽ hiện trạng vụ trí số 57193-1/CN HM do Trung tâm đo đạc bản đồ Chi nhánh H lập ngày 04/11/2008):

2. Phần đất ruộng (ở Vòm Chợ) diện tích 19.731,8m^2 thuộc các thửa 197, 198, 199, 201, 202, 211, 212, 213, 214 tờ bản đồ số 4 (TL 1989) nhằm các thửa 99, 100 tờ bản đồ số 9 (TL2004) xã T , huyện H (theo Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1024-2/ĐĐBĐ-PT do Công ty TNHH P lập năm 2008)

3. Phần đất ruộng diện tích 13.028,9m^2 thuộc thửa 73 tờ bản đồ số 9 (TL 2004) nhằm các thửa 56, 60, 62, 195, 196, 215 tờ bản đồ số 4 (TL 1989) xã T , huyện H (theo Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1024 – 3/ĐĐBĐ-PT do Công ty TNHH P lập năm 2008).

4. Phần đất ruộng (ở Ba Rai) diện tích 34.851,9m^2 thuộc các thửa 56, 65, 64, 78, 79, 107, 108, 109, 122, 123, 124 tờ bản đồ số 6 (TL 2004) xã T , huyện H (theo Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1024-1/ĐĐBĐ-PT do Công ty TNHH P lập năm 2008)

5. Phần đất ruộng (khu vực Rạch Đá Hàng) có diện tích 15.618,1m^2 thuộc các thửa 27, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36 tờ bản đồ số 63 (TL2003) nhằm các thửa 131, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 144 tờ bản đồ 21 (TL 02/CT-UB) xã Bình Mỹ, huyện C (theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 1687/2-2013 do Công ty TNHH P lập ngày 04/12/2013).

6. Phần đất ruộng (khu vực Gò Chùa) có diện tích 14.823,8m^2 thuộc các thửa 57, 58, 59, 60, 61, 66, 67, 68, 69 tờ bản đồ số 42 (TL2003) xã Bình Mỹ, huyện C (theo Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1687/1-2013 do Công ty TNHH P lập ngày 04/12/2013).

7. Căn nhà 14/2 khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh tọa lạc phần đất vườn diện tích 3.242,1m^2 thuộc thửa 23 tờ bản đồ số 12 (TL2005) nhằm các thửa 417, 418, 419, 420 tờ bản đồ duy nhất (TL 299/TTg) tọa lạc tại Thị trấn H , huyện H , Tp.Hồ Chí Minh (theo Bản vẽ hiện trạng vị trí số 57193-2/CN HM do Trung tâm đo đạc bản đồ Chi nhánh H lập ngày 04/11/2008). Phần nhà đất này hiện do Bà X và các con cháu đang quản lý, sử dụng.

Một phần diện tích trong phần đất này thuộc diện thu hồi đất bởi Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Hương lộ 70 (Lê Thị Hà), huyện H . Số tiền được bồi thường, hỗ trợ thiệt hại 2.734.897.450 đồng bà X chưa được Ban Bồi thường – giải phóng mặt bằng huyện H chi tiền vì phần đất này đang tranh chấp tại Tòa án.

Ngày 12/8/2002, nguyên đơn ông Trần Văn S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho Trần Thị X và Trần Văn S đối với các di sản của ông Trần Văn C và bà Phạm Thị M để lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 157/2016/DS-ST ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn Trần Văn S về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho Trần Thị X và Trần Văn S đối với di sản của ông Trần Văn C và bà Phạm Thị M để lại bao gồm:

1.1 Phần đất vườn diện tích 9.271,3m^2 thuộc các thửa 141, 142 tờ bản đồ số 4 (TL 2004) tọa lạc tại 19/5 ấp Tân Hòa, xã T , huyện H (Bản vẽ hiện trạng vị trí số 57193-1/CN HM do Trung tâm đo đạc bản đồ Chi nhánh H lập ngày 04/11/2008):

Ông Trần Văn S và bà Trần Thị X mỗi bên được chia ½, cụ thể ông S được hưởng 4.635,65m^2 đất, bà X được hưởng 4.635,65m^2 đất.

Phần đất có vị trí phía Bắc giáp Rạch Cầu Bông và các thửa 118,119; phía Nam giáp đường đất và các thửa 151,152,158,159; phía Đông giáp đường đất; phía Tây giáp các thửa 117,143,150. Phần đất chia cho ông S và chia cho bà X được xác định lấy chiều dài phía Nam chia hai, phần đất chia cho ông S có vị trí giáp các thửa 117,143,150 phía Tây; phần đất chia cho bà X có vị trí giáp đường đất phía Đông.

1.2. Phần đất ruộng (ở Vòm Chợ) diện tích 19.731,8m^2 thuộc các thửa 197, 198, 199, 201, 202, 211, 212, 213, 214 tờ bản đồ số 4 (TL 1989) nhằm các thửa 99, 100 tờ bản đồ số 9 (TL 2004) xã T , H (Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1024-2/ĐĐBĐ-PT do Công ty TNHH P lập năm 2008):

Ông Trần Văn S và bà Trần Thị X mỗi bên được chia ½, cụ thể ông S được hưởng 9.865,9m^2, bà X được hưởng 9.865,9m^2.

Phần đất có vị trí phía Bắc giáp các thửa 69, 72; phía Nam giáp Rạch Bà Than, Sông Rạch Tra; phía Đông giáp các thửa 101, 109, 111; phía Tây giáp các thửa 73, 99. Phần đất chia cho ông S và chia cho bà X được xác định lấy chiều dài phía Tây chia hai, phần đất chia cho ông S có vị trí giáp các thửa 69, 72 phía Bắc; phần đất chia cho bà X có vị trí giáp Rạch Bà Than, Sông Rạch Tra phía Nam.

1.3. Phần đất ruộng (ở Ba Rai) diện tích 34.851,9m^2 thuộc các thửa 56, 65, 64, 78, 79, 107, 108, 109, 122, 123, 124 tờ bản đồ số 6 (TL 2004) xã T , H (Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1024-1/ĐĐBĐ-PT do Công ty TNHH P lập năm 2008):

Ông Trần Văn S và bà Trần Thị X mỗi bên được chia ½, cụ thể ông S được hưởng 17.425,95m^2, bà X được hưởng 17.425,95m^2.

Phần đất có vị trí phía Bắc giáp các thửa 54,55,57; phía Nam giáp Sông Rạch Tra; phía Đông giáp các thửa 61,62,63,80,81,82,102,103,105,106; phía Tây giáp các thửa 66,69,70,72,73,75,77,110,111,112,113. Phần đất chia cho ông S và chia cho bà X được xác định lấy chiều dài phía Nam chia hai, phần đất chia cho ông S có vị trí giáp các thửa 61,62,63,80,81,82,102,103,105,106 phía Đông; phần đất chia cho bà X có vị trí giáp các thửa 66, 69, 70, 72, 73, 75, 77, 110, 111, 112, 113 phía Tây.

1.4. Phần đất ruộng (khu vực Rạch Đá Hàng) có diện tích 13.052,9m^2 thuộc các thửa 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36 tờ bản đồ số 63 (TL 2003) nhằm các thửa 135, 136, 137, 138, 139, 140 tờ bản đồ 21 (TL 02/CT-UB) xã Bình Mỹ, huyện C (Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1687/2-2013 do Công ty TNHH P lập ngày 04/12/2013):

- Ông Trần Văn S và bà Trần Thị X mỗi bên được chia ½, cụ thể ông S được hưởng 6.526,45m^2, bà X được hưởng 6.526,45m^2.

Phần đất có vị trí phía Bắc giáp các thửa 28,29,31,32,33,34; phía Nam giáp các thửa 188,189,191,192; phía Đông giáp các thửa 130,134; phía Tây giáp Rạch Đá Hàng. Phần đất chia cho ông S và chia cho bà X được xác định lấy chiều dài phía Tây chia hai, phần đất chia cho ông S có vị trí giáp các thửa 28,29,31,32,33,34 phía Bắc; phần đất chia cho bà X có vị trí giáp các thửa 188,189,191,192 phía Nam.

- Chia thừa kế đối với số tiền 78.134.000 đồng (và tiền lãi nếu có) theo Quyết định số 5296/QĐ-UBND ngày 02/6/2010 của UBND huyện C mà ông Trần Văn C được bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi 795,2m^2 đất để làm Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn từ Tỉnh lộ 8 đến Rạch Tra xã Bình Mỹ, huyện C cho ông Trần Văn S và bà Trần Thị X mỗi bên được hưởng ½, cụ thể ông S được hưởng 39.067.000 đồng (và tiền lãi nếu có), bà X được hưởng 39.067.000 đồng (và tiền lãi nếu có).

1.5. Đối với phần đất ruộng (khu vực Gò Chùa) có diện tích 14.823,8m^2 thuộc các thửa 57, 58, 59, 60, 61, 66, 67, 68, 69 tờ bản đồ số 42 (TL 2003) nhằm các thửa 318, 319, 320, 321, 322, 323 tờ bản đồ số 16 (TL 02/CT-UB) xã Bình Mỹ, huyện C (Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1687/1-2013 do Công ty TNHH P lập ngày 04/12/2013):

Ông Trần Văn S và bà Trần Thị X mỗi bên được chia ½, cụ thể ông S được hưởng 7.411,9m^2, bà X được hưởng 7.411,9m^2.

Phần đất có vị trí phía Bắc giáp các thửa 89, 93, 94, 103; phía Nam giáp các thửa 354, 356, 358, 359; phía Đông giáp thửa 324; phía Tây giáp Rạch Đá Hàng, các thửa 105, 362. Phần đất chia cho ông S và chia cho bà X được xác định lấy chiều dài phía Tây chia hai, phần đất chia cho ông S có vị trí giáp các thửa 354, 356, 358, 359 phía Nam; phần đất chia cho bà X có vị trí giáp các thửa 89, 93, 94, 103 phía Bắc.

1.6. Phần đất vườn diện tích 2.777,5m^2 thuộc thửa 23 tờ bản đồ số 12 (TL 2005) nhằm các thửa 417, 418, 419, 420 tờ bản đồ duy nhất (TL 299/TTg) tọa lạc tại 14/2 khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Tp.HCM (Bản vẽ hiện trạng vị trí số 57193-2/CN HM do Trung tâm đo đạc bản đồ Chi nhánh H lập ngày 04/11/2008):

Ông Trần Văn S và bà Trần Thị X mỗi bên được chia ½, cụ thể ông S được hưởng1.388,75m^2 đất, bà X được hưởng 1.388,75m^2 đất.

Phần đất có vị trí phía Bắc giáp thửa 417; phía Nam giáp các thửa 432, 433; phía Đông giáp đường Lê Thị Hà; phía Tây giáp các thửa 419, 420. Phần đất chia cho ông S và chia cho bà X được xác định lấy chiều dài phía Đông chia hai, phần đất chia cho bà X có vị trí giáp thửa 432, 433 phía Nam; phần đất chia cho ông S có vị trí giáp thửa 417 phía Bắc.

Chia thừa kế đối với số tiền 2.734.897.450 đồng (và tiền lãi nếu có) theo Quyết định số 3421/QĐ-UBND ngày 25/4/2014 của UBND huyện H về việc mở sổ tiền gửi tiết kiệm đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 2.734.897.450 đồng đối với bà Trần Thị X khi Nhà nước thu hồi 464.6m^2 đất để thực hiện Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Hương lộ 70 (Lê Thị Hà) – huyện H cho bà Trần

Thị X và ông Trần Văn S mỗi bên được hưởng ½, cụ thể bà X được hưởng số tiền 1.367.448.725 đồng (và tiền lãi nếu có), ông S được hưởng số tiền 1.367.448.725 đồng (và tiền lãi nếu có).

Ông Trần Văn S và bà Trần Thị X có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia thừa kế theo quy định của pháp luật về đất đai và có trách nhiệm liên hệ với UBND huyện H và UBND huyện C để tiến hành thủ tục nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn Trần Văn S về việc yêu cầu chia thừa kế cho Trần Thị X và Trần Văn S đối với tài sản là phần đất ruộng diện tích 13.028,9m^2 thuộc thửa 73 tờ bản đồ số 9 (TL 2004) nhằm các thửa 56, 60, 62, 195, 196, 215 tờ bản đồ số 4 (TL 1989) xã T , H.

3. Không chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn Trần Thị X về việc yêu cầu 08 hộ: Phạm Thị Kiền, Trần Thị Năm, Trần Văn Thành, Phạm Thị Chuỗi, Nguyễn Thị Từng, Nguyễn Thị Mỹ Thu, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Lững trả phần diện tích đất 482,6m^2 trong phần đất vườn diện tích 9.753,9m^2 thuộc các thửa 141, 142 tờ bản đồ số 4 (TL 2004) tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã T , huyện H để chia thừa kế cho Trần Thị X và Trần Văn S.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị X về việc không đồng ý chia thừa kế đối với phần đất vườn diện tích 2.777,5m^2 thuộc thửa 23 tờ bản đồ số 12 (TL 2005) nhằm các thửa 417, 418, 419, 420 tờ bản đồ duy nhất (TL 299/TTg) tọa lạc tại 14/2 khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Tp.HCM.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2016 bị đơn là bà Trần Thị X có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm với lý do bà yêu cầu 08 hộ hiện đang ở nhờ trên phần đất tại ấp Tân Hòa, xã T , huyện H phải trả lại đất để chia thừa kế cho Bà X, ông S. Đồng thời bà cũng không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc bà phải chia thừa kế nhà và đất tại số 14/2 đường Lê Thị Hà, khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh và phần tiền đền bù do giải tỏa, mở rộng đường Lê Thị Hà cho ông S vì đây là tài sản riêng của bà. Còn các quyết định khác của bản án sơ thẩm Bà X không kháng cáo.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 1131/2016/DSPT ngày 27/9/2016 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 157/2016/DS-ST ngày 26/5/2016 của Toà án nhân dân huyện H .

Ngày 13/12/2016 bà Trần Thị X có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên về phần phân chia di sản thừa kế là 3.242m^2 đất thuộc thửa 23 tờ bản đồ số 12 Thị trấn H , huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X không đồng ý chia thừa kế đối với phần đất nói trên vì cho rằng phần đất này bà được dòng họ bên ngoại giao cho Bà X quản lý để dùng cho việc thờ cúng tổ tiên bên ngoại.

Ngày 20/9/2019, Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 271/2019/KN-DS về việc kháng nghị bản án dân sự phúc

thẩm nêu trên vì chưa xem xét đến công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo phần đất nêu trên khi Toà án chia thừa kế.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 288/2019/DS-GĐT ngày 28/11/2019 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận kháng nghị Giám đốc thẩm số 271/2019/KN-GĐT ngày 20/9/2019 của Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án "Tranh chấp thừa kế nhà đất" giữa nguyên đơn ông Trần Văn S và bị đơn bà Trần Thị X.

2. Huỷ một phần bản án dân sự phúc thẩm số 1131/2016/DSPT ngày 27/9/2016 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần phân chia di sản thừa kế là 3.242m^2 đất thuộc thửa 23 tờ bản đồ số 12 Thị trấn H , huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh; Giao hồ sơ cho Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà dân sự phúc thẩm ngày 22/10/2020:

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn R và bà Trần Mai Y cùng thống nhất ý kiến thoả thuận như sau:

1. Phần diện tích tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Trần Văn C và cụ Phạm Thị M tại địa chỉ 14/2 Lê Thị Hà, khu phố 8, Thị trấn H , Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 3.242,1m^2 sau khi nhà nước thu hồi 464,6m^2 đất để nâng cấp hương lộ 70 còn lại 2.777,5m^2 ; phần đất này hiện nay bà Trần Thị X đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Hai bên thoả thuận chia thừa kế có tính phần công sức giữ gìn, tôn tạo tài sản của bà Trần Thị X theo tỷ lệ như sau: Bà Trần Thị X được hưởng tỷ lệ 6/10 là 1.666,5m^2 đất, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn S được hưởng tỷ lệ 4/10 là 1.111m^2 đất.

Vị trí phần đất được chia cho các bên được xác định lấy chiều dài phía Đông (đường Lê Thị Hà), phần đất chia cho Bà X có vị trí giáp thửa 432, 433 phía Nam; phần đất chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S có vị trí giáp thửa 417 phía Bắc. Các bên thông nhất xác định vị trí theo bản đồ hiện trạng vị trí số 57193-2/CNHM do Trung tâm đo đạc bản đồ Chi nhánh H lập ngày 04/11/2008 và không có yêu cầu đo vẽ lại.

2. Hai bên xác định chỉ chia thừa kế đối với diện tích đất, không tranh chấp về tài sản trên đất. Đối với những tài sản hiện hữu trên đất (theo biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2020) hiện nay gia đình bà X đang quản lý, sử dụng, khi tiến hành chia đất nếu tài sản nào nằm bên phần đất được chia cho ông S thì gia đình Bà X sẽ tiến hành tháo dỡ, di dời và không có yêu cầu gì.

3. Phần diện tích đất 464,6m^2 thuộc thửa 23 và phần đường thuộc tờ bản đồ số 12 (TL 2005) bị Nhà nước thu hồi để làm Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Hương lộ 70 (Lê Thị Hà), huyện H được nhà nước đền bù số tiền 2.734.897.450 đồng các bên đã nhận đủ mỗi bên ½ nên các bên không yêu cầu chia lại số tiền này theo công sức đóng góp.

4. Thống nhất kết quả thẩm định giá tại chứng thư Thẩm định giá số 0807/2020/CT-VATC ngày 15/8/2020 của Công ty Thẩm định giá và Dịch vụ tài

sản toàn cầu như sau: Giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 2.777,5m^2 là 56.302.702.500 đồng, tương đương 20.271.000 đồng/m^2. Tiền chi phí định giá do bên yêu cầu là bà Trần Thị X tự nguyện chịu căn cứ theo biên bản làm việc ngày 02/7/2020.

5. Về án phí: Mỗi bên tự nguyện chịu án phí đối với phần giá trị tài sản thừa kế mà mình được hưởng. Về phía những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S, bà Huỳnh Thị N tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí.

Luật sư Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Do tại phiên toà phúc thẩm các đương sự đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện phần diện tích đất vườn còn lại tại địa chỉ 14/2 Lê Thị Hà, khu phố 8, Thị trấn H , Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 2.777,5m^2 là di sản thừa kế của cụ Trần Văn C và cụ Phạm Thị M. Tại phiên toà phúc thẩm những người thừa kế của cụ C và cụ Mới đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nguồn gốc nhà và đất tại địa chỉ 14/2 Lê Thị Hà, khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ quá trình kê khai, sử dụng qua các thời kỳ thể hiện theo tài liệu đăng ký 299/TTg do bà Phạm Thị M đăng ký, theo Chỉ thị 3376 do bà Trần Thị X đăng ký, theo TL 2005 do bà Trần Thị X đăng ký. Xét nguồn gốc nhà đất do ông Phạm Văn Z quản lý trước năm 1975 chết để lại cho con là Phạm Thị M đăng ký quản lý sử dụng, đến năm 1992 bà M chết để lại cho con là bà Trần Thị X trông coi, quản lý, sử dụng cho đến nay (Căn cứ Công văn số 1391/VPĐK của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H ngày 20/7/2011 trả lời về quá trình kê khai, đăng ký, sử dụng đất). Như vậy, căn cứ nguồn gốc đất cũng như quá trình kê khai đăng ký sử dụng thể hiện phần nhà đất này do bà Phạm Thị M thừa hưởng từ cha mẹ để lại, sau khi bà M chết thì nhà đất này giao lại cho bà Trần Thị X quản lý sử dụng. Như vậy có cơ sở để xác định nhà và đất vườn có diện tích 3.242,1m^2 thuộc thửa 23 tờ bản đồ số 12 (TL 2005) tại số 14/2 Lê Thị Hà, khu phố 8, Thị trấn H , huyện H là di sản của bà Phạm Thị M để lại và yêu cầu

của nguyên đơn chia thừa kế phần đất này cho các con của bà M là ông Trần Văn S và bà Trần Thị X là có cơ sở để xem xét.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm 157/2016/DS-ST ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện H , công nhận sự thoả thuận của các đương sự như trên.

[3] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 157/2016/DS-ST ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện H các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật, các bên đã thi hành xong.

[4] Về chi phí Thẩm định giá: Bà Trần Thị X tự nguyện chịu.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí Dân sự sơ thẩm: Do vụ án sơ thẩm được Toà án nhân dân huyện H thụ lý ngày 01/10/2002 nên áp dụng Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 quy định về án phí, lệ phí Toà án để tính án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ theo công văn số 1440/CCTHADS ngày 31/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H thì ông Trần Văn S và bà Trần Thị X đã thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ án phí theo bản án dân sự phúc thẩm số 1131/2016/DSPT ngày 29/7/2016 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định thi hành án chủ động số 323/QĐ-CCTHADS ngày 24/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H)

Nay do bản án sơ thẩm bị sửa đổi với phần tỷ lệ phân chia đất tại số 14/2 Lê Thị Hà. Do đó, cần tính lại số tiền án phí trên giá trị tài sản mà mỗi bên được hưởng cho phù hợp. Số tiền án phí được tính lại và cấn trừ như sau:

- Số tiền án phí các bên đã thi hành theo tỷ lệ phân chia tài sản tại số 14/2 đường Lê Thị Hà, Khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh mà ông S Bà X đã nộp theo quyết định của bản án dân sự phúc thẩm số 1131/2016/DSPT ngày 29/7/2016 là: Ông Trần Văn S và bà Trần Thị X mỗi người được hưởng 1.388,75m^2 đất, giá trị đất theo kết quả định giá ngày 17/8/2010 (bút lục 590) là 7.000.000 đồng/m^2. Giá trị quyền sử dụng đất mỗi người được hưởng là: 9.721.250.000 đồng. Do đó, số tiền án phí mỗi người phải nộp là: 36.721.250 đồng (đã thi hành).

- Số tiền án phí được tính lại như sau:

Bà Trần Thị X được hưởng 1.666,5m^2 đất x giá trị quyền sử dụng đất là 20.271.000 đồng/m^2 = 33.781.621.500 đồng. Bà X phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 60.781.622 đồng. Bà X đã nộp 36.721.250 đồng, nay còn phải nộp thêm 24.060.372 đồng. Tuy nhiên, do bà Trần Thị X đã trên 60 tuổi, thuộc diện được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, do đó bà được miễn nộp toàn bộ án phí phải nộp thêm.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn S được hưởng 1.111m2 x 20.271.000 đồng/m^2 = 22.521.081.000 đồng, số tiền án phí là:

49.521.081 đồng. Ông Trần Văn S đã nộp 36.721.250 đồng, nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S phải nộp thêm 12.799.831 đồng.

Tuy nhiên, do Huỳnh Thị N đã trên 60 tuổi và ông Trần Minh K (là người bị mất năng lực hành vi dân sự, có bà Huỳnh Thị N đại diện hợp pháp) thuộc diện được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, do đó các Bà N và Ông K được miễn nộp phần án phí của mình. Số tiền án phí còn lại mà những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S gồm: bà Trần Thị Kim L, ông Trần Thị Kim Q, ông Trần Minh T, ông Trần Minh P, ông Trần Minh Lập, ông Trần Quang H phải nộp là: 9.599.873 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị N chịu toàn bộ số tiền án phí này.

[5.2] Án phí Dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị X được miễn án nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 157/2016/DS-ST ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

2.1. Chia thừa kế theo pháp luật cho bà Trần Thị X (Trần Thị X) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn S đối với di sản của cụ Trần Văn C và cụ Phạm Thị M là phần đất vườn còn lại với diện tích 2.777,5m^2 thuộc thửa 23 tờ bản đồ số 12 (TL 2005) nhằm các thửa 417,418,419,420 tờ bản đồ duy nhất (TL 299/TTg) tọa lạc tại 14/2 đường Lê Thị Hà khu phố 8, Thị trấn H , huyện H , Thành phố Hồ Chí Minh (Bản vẽ hiện trạng vị trí số 57193-2/CNHM do Trung tâm đo đạc bản đồ Chi nhánh H lập ngày 04/11/2008) như sau:

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trần Văn S gồm: bà Huỳnh Thị N, bà Trần Thị Kim L, ông Trần Thị Kim Q, ông Trần Minh T, ông Trần Minh P, ông Trần Minh Lập, ông Trần Minh K, ông Trần Quang H được chia: 1.111m^2 (một nghìn một trăm mười một mét vuông).

- Bà Trần Thị X được chia: 1.666,5 m^2 (một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu phẩy năm mét vuông).

Phần đất có vị trí phía Bắc giáp thửa 417; phía Nam giáp các thửa 432, 433; phía Đông giáp đường Lê Thị Hà; phía Tây giáp các thửa 419, 420.

Phần đất chia cho ông S và chia cho bà X được xác định lấy chiều dài phía Đông (đường Lê Thị Hà), phần đất chia cho bà X có vị trí giáp thửa 432, 433 phía Nam; phần đất chia cho ông S có vị trí giáp thửa 417 phía Bắc.

2.2. Bà Huỳnh Thị N, bà Trần Thị Kim L, ông Trần Thị Kim Q, ông Trần Minh T, ông Trần Minh P, ông Trần Minh M, ông Trần Minh K, ông Trần Quang H và bà Trần Thị X có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia thừa kế theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không tranh chấp về tài sản trên đất. Đối với những tài sản hiện hữu trên đất (theo biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2020) hiện nay gia đình Bà X đang quản lý, sử dụng, khi chia đất nếu tài sản nào nằm bên phần đất được chia cho ông S thì gia đình Bà X sẽ tiến hành tháo dỡ, di dời và không có yêu cầu gì.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu chia lại số tiền đền bù giải phóng mặt bằng 2.734.897.450 đồng mà các bên đã nhận mỗi bên một nửa.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị X, bà Huỳnh Thị N, ông Trần Minh K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị N tự nguyện thi hành phần án phí dân sự sơ thẩm mà những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn S phải nộp thêm là: 9.559.873 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị X được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hằng

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM; ;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND huyện H ;
- Chi cục THADS huyện H ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS (36).